

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày 07/ 8/2020
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Mạc Văn Tuyền.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông: Hoàng Văn Bốn - Cán bộ hưu trí;

2. Bà: Dương Thị Ninh - Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa:***
Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:***

Anh Vũ Quang B, sinh năm 1993;

Anh Ngô Việt Th1, sinh năm 1995;

Cùng chức vụ: Chuyên viên pháp lý thuộc Công ty Luật TNHH-MTV Quốc Cường - Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Khu dân cư Lý Thái Tổ, tổ 23, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Bị đơn:*** Chị Bùi Hương D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Anh Bình, anh Thắng có mặt, chị Diệu vắng mặt không rõ lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ngày 09 tháng 12 năm 2017 ông có cho chị Bùi Hương D vay số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) khi vay có lập giấy viết tay, chị D ký phần người vay, lãi suất theo thỏa thuận và chị D hẹn khi nào bán lợn sẽ trả cho ông số tiền đã vay. Khi chị D bán lợn và đến thời hạn trả tiền cho ông, nhưng chị D không trả, do đòi nhiều lần đến ngày 02/12/2018 chị D mới trả cho ông được số tiền gốc là 10.000.000đồng (*mười triệu đồng*), sau đó chị D không trả cho ông nữa mặc dù ông đòi nhiều lần. Do vậy ông khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị D phải có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền còn nợ là 40.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và tạm tính đến ngày khởi kiện là 4.111.000đồng. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 30/7/2020 ông Th chỉ yêu cầu chị D trả số tiền lãi là 1%/tháng.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Anh B, anh Th1 nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc chị Bùi Hương D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền còn nợ là 40.000.000đồng. Về tiền lãi theo đơn khởi kiện ông Th yêu cầu chị D phải trả số tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 30/7/2020 ông Th chỉ yêu cầu chị D trả số tiền lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng. Do vậy anh B, anh Th1 nhất trí với yêu cầu của ông Th, đề nghị Tòa án buộc chị D phải trả cho ông Th số tiền lãi tính từ ngày 03/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2020) với lãi suất là 1%/tháng và tổng số tiền lãi là 8.074.520đồng

** Bị đơn vắng tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019 (Biên bản lấy lời khai trong vụ án dân sự thụ lý số 39/2019/TLST-DS ngày 21/6/2019, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th và bị đơn chị Bùi Hương D - Vụ án được đình chỉ do nguyên đơn rút đơn khởi kiện) chị Bùi Hương D trình bày:*

Tôi xác định ngày 09/12/2017 tôi có vay của ông Nguyễn Văn Th số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*). Khi vay tôi có viết giấy vay tiền và tôi công nhận giấy vay tiền lưu trong hồ sơ đúng là chữ viết, chữ ký của tôi, sau đó tôi đã trả lãi 2%/tháng cho ông Th. Ngày 02/12/2018 tôi đã trả cho ông Th 10.000.000đồng. Số còn lại là 40.000.000đồng (*bốn mươi triệu đồng*) tôi chưa có điều kiện trả cho ông Th, do làm ăn thua lỗ, tôi đã trả lãi cho ông Th đến ngày 02/12/2018. Nay ông Th khởi kiện tôi, tôi nhất trí trả số tiền gốc 40.000.000đồng (*bốn mươi triệu đồng*) cho ông Th, tôi sẽ trả dần số tiền gốc này, còn số tiền lãi do điều kiện khó khăn, nên tôi không có điều kiện trả cho ông Th.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định ngày 09 tháng 12 năm 2017 chị Bùi Hương D có vay của ông Nguyễn

Văn Th số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) đến ngày 02/12/2018 chị D trả cho ông được số tiền gốc là 10.000.000đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Do vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th và buộc chị Bùi Hương D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền còn nợ là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Bùi Hương D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn chị Bùi Hương D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về việc vay nợ giữa chị Bùi Hương D và ông Nguyễn Văn Th*:

Ông Nguyễn Văn Th xác định ngày 09 tháng 12 năm 2017 chị Bùi Hương D vay của ông Th số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) đến ngày 02/12/2018 chị D trả cho ông Th được số tiền gốc là 10.000.000đồng (*mười triệu đồng*), và còn nợ lại số tiền gốc là 40.000.000đồng (*bốn mươi triệu đồng*). Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019 chị D thừa nhận việc vay nợ phù hợp với lời khai của ông Th.

Như vậy có đủ căn cứ xác định ngày 09 tháng 12 năm 2017 chị Bùi Hương D có vay của ông Nguyễn Văn Th số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*), đã trả được 10.000.000đồng (*mười triệu đồng*) tiền gốc, còn nợ lại số tiền gốc là 40.000.000đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

[2] *Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền*:

Hội đồng xét xử thấy rằng tại giấy vay tiền đề ngày 09/12/2017 thể hiện “*Hôm nay ngày 09 - 12 - 2017 tên tôi là Bùi Hương D hiện cư trú tại tổ dân phố T - TT Y-TQ có vay của gia đình ông Th số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) thời hạn vay và lãi suất theo thỏa thuận. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật*”. Mặc dù trong giấy vay tiền các bên không thể hiện thời hạn trả tiền cụ thể, tuy nhiên theo ông Th có thỏa thuận khi nào chị D bán lợn sẽ trả tiền cho ông Th và khi đến hạn trả nợ nhiều lần ông yêu cầu chị D trả tiền thì đến ngày 02/12/2018 chị D mới trả cho ông được số tiền gốc là 10.000.000đồng. Như vậy có căn cứ xác định ông Th đã báo cho chị D một thời gian hợp lý để chị D trả khoản tiền đã vay cho ông Th.

[3] *Về lãi suất*:

Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu chị Bùi Hương D trả số tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 1%/tháng và tạm tính đến ngày khởi kiện là 4.111.000đồng. Thấy rằng theo giấy vay nợ mặc dù các bên không xác định cụ thể và lãi suất mà chỉ thể hiện lãi suất theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận lãi suất là 2%/ tháng và chị D thừa nhận đã trả lãi đến ngày 02/12/2018 với lãi suất là 2%/tháng. Như vậy có căn cứ xác định lãi

do các bên thỏa thuận là 2%/tháng. Tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2020 ông Th chỉ yêu cầu chị D trả số tiền lãi là 1%/tháng. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”. Như vậy theo yêu cầu tính lãi của ông Th là 1%/tháng tương đương 12%/năm là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về thời hạn trả lãi:*

Chị D xác định đã trả tiền lãi cho ông Th đến ngày 02/12/2018, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Th chỉ yêu cầu chị D trả lãi trên số tiền còn nợ tính từ ngày 02/12/2018. Do đó có căn cứ xác định chị D đã trả số tiền lãi theo thỏa thuận cho ông Th đến ngày 02/12/2018 và cần tính lãi từ ngày 03/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2020) là 614 ngày. Như vậy $40.000.000 \text{ đồng} \times 12\% / \text{năm} \times 614 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 8.074.520 \text{ đồng}$

Từ những nhận định nêu trên có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, cần buộc chị Bùi Hương D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền còn nợ là 48.074.520 đồng (*Bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi tư nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh là 8.074.520 đồng (*Tám triệu không trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng*).

[5] *Về án phí:* Chị Bùi Hương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26; 147; 207; 227; 228; 235; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, buộc chị Bùi Hương D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền còn nợ là 48.074.520 đồng (*Bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi tư nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh là 8.074.520 đồng (*tám triệu không trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bùi Hương D chậm trả tiền thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Bùi Hương D phải nộp 2.403.726 đồng (*Hai triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

Ông Nguyễn Văn Th không phải nộp án phí.

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án. Người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành việc thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyến

